

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Xuân Miến

2. Bà Vương Thúy Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo- Cán bộ Tòa án nhân dân quận H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2020/TLST-HNGD ngày 18/02/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXX-ST ngày 15/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Trần H, sinh năm 1960. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số IV, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

Người đại diện theo pháp luật: Cụ Trần Minh Đ, sinh năm 1929 - là mẹ đẻ của ông H. *(Có mặt tại phiên tòa).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Phạm Thị H, sinh năm 1949- Luật sư Công ty Luật TNHH H M- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963.

Nơi ĐKNKTT: Số IV, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số IV, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B, sinh năm 1975- Luật sư Văn phòng Luật sư S- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 10/02/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, cụ Trần Minh Đ trình bày:

Năm 1991 ông H và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình mai mối và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, ông H và bà N về chung sống cùng gia đình cụ Đ tại nhà số IV, Hàn Thuyên, P, H, Hà Nội. Đến ngày 25/8/1992 ông H, bà N đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Thời gian đầu chung sống giữa ông H và bà N không có điều tiếng mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 1999- 2000 mâu thuẫn gia đình bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Ông H từ nhỏ đã không khôn ngoan nhanh nhẹn, chỉ biết làm những công việc giản đơn, kinh tế sống phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ. Bà N cũng không tháo vát đảm đang nên mọi việc trong gia đình từ giỗ tết, chợ búa... đều do cụ làm. Nhiều lần cụ Đ góp ý với bà N, bà N không những không nghe mà còn cãi hờn. Đã từ nhiều năm nay cụ thấy bà N không còn yêu thương và chăm sóc ông H. Bà N đi từ sáng sớm đến tận đêm khuya mới về nhà ngủ, không ăn cùng và không cho ông H ngủ cùng. Sáng nào ông H cũng chửi bới và đuổi bà N. Tình trạng hôn nhân của ông H và bà N hiện ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục. Ông H đã yêu cầu cụ Đ đi làm thủ tục ly hôn bà N cho ông vì ông không biết chữ. Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật, cụ Đ đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông H là người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố ông H là người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi và chỉ định cụ là người giám hộ cho ông H theo quy định của pháp luật. Nay thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà N không có hạnh phúc, thực hiện quyền giám hộ cho ông H cụ đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Đoàn Trần Hiền L, sinh ngày 06/11/1992 và Đoàn Trần Hiền C, sinh ngày 06/11/1992. Cháu Đoàn Trần Hiền L đã được ông Đoàn Trần H1 (anh trai của ông Đoàn Trần H) làm thủ tục nhận con nuôi và đưa về nuôi dưỡng từ năm 1997. Hiện nay cả hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt: Do ông H từ nhỏ sống phụ thuộc bố mẹ, không có nghề nghiệp và thu nhập. Bà N từ ngày về làm dâu chỉ lao động giản đơn bằng việc sửa chữa may vá quần áo thu nhập thấp. Mọi chi tiêu mua sắm trong gia đình đều do cụ mua sắm. Ông H, bà N không sắm sửa được gì vật dụng gì.

Về tài sản chung là nhà đất: Nhà đất hiện nay ông H, bà N đang ở tại số IV Hàn Thuyên, phường P, H, Hà Nội là nhà đất của cụ Đ do Bộ y tế cấp cho vợ chồng cụ trong quá trình công tác. Năm 2010 vợ chồng cụ đã sang tên nhà đất

trên cho con gái là bà Đoàn Thị L để lấy tiền chữa bệnh. Quá trình ông H, bà N chung sống từ năm 1992 đến nay không có công sức đóng góp gì đối với nhà đất này nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về công nợ chung: Ông H, bà N không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông H, bà N ly hôn, cụ Đ tự nguyện hỗ trợ chi phí thuê nhà trong 12 tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 30 triệu đồng cho bà N để bà N đi ở chỗ khác.

[2]. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân quận H và các Đơn trình bày nộp cho Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị N xác nhận việc bà kết hôn với ông Đoàn Trần H là hoàn toàn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào năm 1992. Sau khi kết hôn bà về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại số IV, Hàn Thuyên, H, Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc không có điều tiếng mâu thuẫn gì. Bà cũng hết lòng chăm lo vun vén cho cuộc sống gia đình, chăm sóc bà chồng, bố mẹ chồng và chồng, lo toan cơm nước cho cả nhà. Bà chưa bao giờ hờn lảo với mọi người trong gia đình nhà chồng. Mấy năm gần đây, do cụ Đ ngày càng trở lên khó tính, bà làm gì cũng không vừa ý mẹ chồng, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Từ nhiều năm nay bà và ông H đã không ăn cùng ngủ cùng. Ông H sáng nào cũng chửi bới và đuổi bà. Hàng ngày bà đi làm sửa chữa quần áo tại khu tập thể Bộ y tế, docks Thọ Lão từ 5-6 giờ sáng đến 9- 10 giờ đêm mới trở về nhà ngủ, khi về thì cụ Đ và ông H đã đi ngủ. Bà và ông H mỗi người ngủ một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Việc chăm lo cơm nước hàng ngày của cụ Đ và ông H đều do cụ Đ làm. Bà cũng muốn về cơm nước chăm sóc cụ Đ và ông H nhưng cụ Đ không đồng ý. Cụ Đ tuy tuổi cao nhưng vẫn khỏe mạnh mẽ, tự làm được mọi việc. Ông H là người có khó khăn trong nhận thức nhưng vẫn khỏe mạnh và tự chăm sóc được bản thân. Vì vậy bà mới yên tâm đi làm từ sáng đến tối để kiếm tiền lo hỗ trợ cho cuộc sống của con gái là Đoàn Trần Hiền C (vì cháu C tuy đã có gia đình riêng nhưng rất khó khăn). Tuy cuộc sống chung vất vả, khổ cực và không có hạnh phúc nhưng bà vẫn cố gắng chịu đựng và sống một cuộc sống như vậy từ nhiều năm nay vì không muốn ly hôn, không muốn gia đình tan vỡ. Năm 2019, khi cụ Đ làm thủ tục tuyên bố ông H là người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi, do nghĩ cụ Đ làm thủ tục như vậy để xin trợ cấp của nhà nước nên bà mới đồng ý để cụ Đ là người giám hộ cho ông H. Nay do cụ Đ không muốn cho bà ở tại nhà đất của cụ nên mới đại diện cho ông H làm đơn ly hôn bà. Bà xác định đã lấy chồng thì không bao giờ ly hôn, bà vẫn còn yêu thương ông H, bà muốn được ở lại nhà cụ Đ để chăm sóc cho ông H khi về già nên bà không đồng ý ly hôn ông H.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông H có 02 con chung là Đoàn Trần Hiền L và Đoàn Trần Hiền C, sinh đôi cùng ngày 06/11/1992. Cháu Đoàn Trần Hiền L năm lên 06 tuổi đã được ông Đoàn Trần H1 (anh trai của ông Đoàn Trần H) làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định của pháp luật và đưa về nhà nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, do cả hai con chung đều đã trưởng thành khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Bà và ông H không có tài sản chung, không có nhà đất chung. Nhà đất hiện nay ông bà và cụ Đ đang ở tại số IV Hàn Thuyên, phường P, H, Hà Nội là của cụ Đ. Do không đồng ý ly hôn nên bà cũng không có ý kiến gì và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, cụ Trần Minh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Đoàn Trần H được ly hôn bà Nguyễn Thị N. Do con chung của ông H, bà N đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Ông H, bà N không có tài sản chung, không có nhà đất và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ Đ giữ nguyên quan điểm tự nguyện hỗ trợ chi phí thuê nhà trong 12 tháng (mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 30 triệu đồng) cho bà N sau khi ly hôn.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên ý kiến quan điểm không đồng ý ly hôn ông H, không đồng ý nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí thuê nhà của cụ Đ. Trong trường hợp bà và ông H ly hôn thì đề nghị cụ Đ và gia đình cụ Đ phải mua cho bà một căn nhà khác để sinh sống chứ bà không đi thuê nhà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Hôn nhân giữa ông H và bà N là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, bà N đã không làm tròn nghĩa vụ của một người vợ, người con dâu trong gia đình khiến mâu thuẫn gia đình phát sinh. Bà N không muốn ly hôn ông H với lý do vẫn còn yêu thương ông H và muốn chăm sóc cho ông H nhưng thực tế từ nhiều năm nay bà N đi từ sáng sớm đến tối khuya mới về nhà, ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm chăm sóc gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà N đã thực sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một cuộc sống gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được giải quyết cho ông H được ly hôn bà N và xem xét giải quyết các vấn đề tài sản, con chung theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông H và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông H và bà N không có mâu thuẫn. Mâu thuẫn gia đình chủ yếu xuất phát từ phía cụ Đ và bà N. Nay cụ Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông H và bà N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tư cách giám hộ của cụ Đ đối với ông H do hiện nay cụ Đ tuổi cao nên không đủ sức khỏe để thực hiện vai trò là người giám hộ cho ông H theo quy định của pháp luật. Việc ông H và bà N ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Qua tìm hiểu xác minh tại địa phương thì được biết bà N là người hiền lành, tốt bụng, nguyện vọng của bà N là muốn được tiếp tục được chung sống cùng ông H để chăm sóc cho ông H là chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận nguyện vọng của bà N, bác đơn khởi kiện ly hôn của cụ Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Trần H và bà Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài và không có khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của cụ Trần Minh Đ về việc đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông Đoàn Trần H và bà Nguyễn Thị N, cho ông Đoàn Trần H được ly hôn bà Nguyễn Thị N. Do con chung của ông H, bà N đã trưởng thành nên không xem xét. Ông H, bà N không có tài sản chung, không có nhà đất và công nợ chung nên không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Đ tự nguyện hỗ trợ chi phí thuê nhà trong 12 tháng (mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 30 triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị N sau khi ly hôn.

Về án phí: Do cụ Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 379/2019/QĐPT-VDS ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, ông Đoàn Trần H bị tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, cụ Trần Minh Đ được chỉ định là người giám hộ cho ông H theo quy định của pháp luật. Thực hiện quyền giám hộ cho ông H, cụ Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông Đoàn Trần H và bà Nguyễn Thị N (đều trú tại : Số IV Hàn Thuyên, phường P, H, Hà Nội). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Trần H và bà Nguyễn Thị N:

Theo Biên bản xác minh tại Phòng Tư pháp quận H và các tài liệu do đương sự cung cấp thì ông H và bà N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 21/8/1992 nên hôn nhân của ông H và bà N là hợp pháp.

Theo Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 379/2019/QĐPT-VDS ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, ông Đoàn Trần H bị tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, cụ Trần Minh Đ được chỉ định là người giám hộ cho ông H theo quy định của pháp luật.

Thực hiện quyền giám hộ cho ông H, cụ Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông Đoàn Trần H và bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét lời khai của cụ Đ về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà N đã xảy ra từ nhiều năm nay (từ khoảng năm 1999-2000 đến nay). Nguyên nhân do bất đồng mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày. Ông H từ nhỏ không được khôn ngoan nhanh nhẹn như người thường, kinh tế sống phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ. Năm 1992, bà N về làm dâu làm vợ nhưng không làm tròn nghĩa vụ của một người con dâu một người vợ trong gia đình. Mọi việc nhà từ giỗ tết, chợ búa cơm nước và chăm sóc các con của ông H bà N đều do cụ Đ làm. Cụ Đ có góp ý khuyên răn thì bà N không nghe cãi lại, thậm chí nhiều lần còn tỏ thái độ lão hển. Từ nhiều năm nay bà N luôn đi từ sáng sớm đến tận đêm khuya mới về nhà ngủ, bà N ăn riêng và không cho ông H ngủ cùng khiến ông H lúc nào cũng cáu gắt chửi bới. Nay cụ Đ thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N xác nhận việc kết hôn giữa ông H và bà như lời cụ Đ trình bày là đúng. Bà cũng thừa nhận thời gian khi mới kết hôn, cuộc sống chung ban đầu không có điều tiếng mâu thuẫn nhưng vài năm trở lại đây mâu thuẫn gia đình phát sinh do bà làm gì cũng không vừa ý cụ Đ. Nay cụ Đ đại diện cho ông H làm đơn xin ly hôn bà, bà không đồng ý do bà vẫn còn yêu thương và muốn chăm sóc cho ông H. Tuy nhiên trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà N không đến Tòa dù đã được nhiều lần thông báo triệu tập hợp lệ. Tòa án đã 03 lần tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải với sự tham gia có mặt của Tổ trưởng tổ dân phố và C hội trưởng chi hội phụ nữ nơi bà N tham gia sinh hoạt, mục đích để cùng phân tích hòa giải giúp bà và các thành viên trong gia đình hiểu nhau hơn từ đó khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng đoàn tụ nhưng bà N đều vắng mặt, không tham gia thể hiện bà N tuy không muốn ly hôn nhưng lại không có thiện chí hàn gắn khắc phục mâu thuẫn. Bà N không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn yêu thương ông H, muốn được tiếp tục chung sống chăm sóc cho ông H nhưng tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án và đơn trình bày của bà N, bà N lại xác nhận từ nhiều năm nay bà và ông H không ăn cùng ngủ cùng. Hàng ngày bà thường đi làm từ 5-6 giờ sáng đến 9- 10 giờ đêm mới về nhà để ngủ, việc chăm lo cơm nước hàng ngày cho cụ Đ và ông H đều do cụ Đ làm cho thấy quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông H đã thực sự trầm trọng kéo dài, mâu thuẫn trong gia đình không có khả năng khắc phục. Tại phiên tòa bà N cũng không đưa ra được giải pháp tích cực nào để hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Tại các biên bản xác minh qua Hội phụ nữ phường Đồng Nhân, nơi bà N tham gia sinh hoạt hội và qua Tổ trưởng tổ dân phố phường P nơi bà N cư trú đều xác nhận tình trạng mâu thuẫn trong gia đình cụ Đ, ông H, bà N xảy ra đã lâu và kéo dài từ nhiều năm không có hướng khắc phục nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa ông H, bà N đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của cụ Trần Minh Đ, cho ông H

được ly hôn bà N.

2.3. Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Đoàn Trần Hiền L và Đoàn Trần Hiền C, sinh đôi cùng ngày 06/11/1992. Năm 1997, cháu Đoàn Trần Hiền L đã được làm thủ tục cho nhận con nuôi đối với ông Đoàn Trần H1. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên Tòa không xét.

2.4. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận ông H và bà N không có tài sản chung, không có nhà đất và công nợ chung nên không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Đ tự nguyện hỗ trợ chi phí thuê nhà trong 12 tháng (mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 30 triệu đồng) cho bà N sau khi ly hôn.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Do cụ Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Trần Minh Đ về yêu cầu xin ly hôn giữa ông Đoàn Trần H và bà Nguyễn Thị N. Cho ông Đoàn Trần H được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Đoàn Trần Hiền L và Đoàn Trần Hiền C, sinh đôi cùng ngày 06/11/1992. Năm 1997, cháu Đoàn Trần Hiền L đã được làm thủ tục cho nhận con nuôi đối với ông Đoàn Trần H1. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: Do ông H và bà N không có tài sản chung, không có nhà đất và công nợ chung nên Tòa không xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Trần Minh Đ tự nguyện hỗ trợ chi phí thuê nhà trong 12 tháng (mỗi tháng 2.500.000 đồng, tổng cộng là 30 triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị N sau khi ly hôn.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Do cụ Trần Minh Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)